

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG SƠN LÂM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG SƠN LÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SON LAM CONSTRUCTION AND TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110112355

3. Ngày thành lập: 09/09/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 35 Lý Thường Kiệt, tổ dân phố số 4, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913177578

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
6.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng và các loại Nhà nước cấm)	4662
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4669
10.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
11.	Khai thác và thu gom than non	0520
12.	Khai thác dầu thô	0610
13.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
14.	Khai thác quặng sắt	0710

15.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
16.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
17.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Trừ các loại Nhà nước cấm)	0722
18.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Trừ các loại Nhà nước cấm)	0730
19.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
20.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
21.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
22.	Khai thác muối	0893
23.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
26.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
27.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thùng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính asphalt, xỉ than; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện)	2399
28.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
29.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng miếng; các sản phẩm có cấu thành từ Uranium và các loại Nhà nước cấm)	2420
30.	Đúc sắt, thép	2431

31.	Đúc kim loại màu (Trừ vàng miếng và các loại Nhà nước cấm)	2432
32.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
33.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
34.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
35.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
36.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại và các loại Nhà nước cấm)	2599
37.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
38.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe taxi - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	4931
39.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách. - Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Vận tải hành khách theo hợp đồng - Vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ. - Vận tải hàng hóa bằng xe cải tiến, xe bò/ngựa kéo hoặc xe súc vật kéo khác.	4933
41.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
42.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistics	5229
46.	Xây dựng nhà để ở	4101
47.	Xây dựng nhà không để ở	4102
48.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
49.	Xây dựng công trình đường bộ	4212(Chính)
50.	Xây dựng công trình điện	4221
51.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
52.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

53.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
54.	Xây dựng công trình thủy	4291
55.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
56.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
57.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
58.	Phá dỡ	4311
59.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn và các hoạt động tương tự)	4312
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
61.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
62.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ vàng miếng và các loại Nhà nước cấm)	4773

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HUY HỒNG	Việt Nam	Đội 4 - thôn Đan Thê, Xã Sơn Đà, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6.400.000.000	80,000	001084008175	
2	HỒ ĐỨC PHƯƠNG	Việt Nam	Tổ dân phố 4, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.600.000.000	20,000	001072021545	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HUY HỒNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *30/07/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001084008175*

Ngày cấp: *22/11/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Đội 4 - thôn Đan Thê, Xã Sơn Đà, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Đội 4 - thôn Đan Thê, Xã Sơn Đà, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*